

MẪU BẢNG TỔNG HỢP LỊCH THỜI VỤ, KẾ HOẠCH ĐIỀU TIẾT CÁC CTTL VÀ PHƯƠNG ÁN CHỐNG HẠN VỤ ĐỒNG XUÂN 2017-2018
CHI NHÁNH HUYỆN ĐẮK SÔNG
 (Kèm theo Công văn số: 460/KTTL - KTTH, ngày 20, tháng 11 năm 2017 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

STT	Tên công trình/Khu tưới	Diện tích kế hoạch (ha)	Thời gian sinh trưởng (ngày)	Thời gian gieo cấy (dự kiến) (từ ngày đến ngày)			Thời gian xuống giống rau màu, cây ngắn ngày (dự kiến)	Thời gian thu hoạch (dự kiến)	Nhận định nguồn nước đảm bảo		Vận hành, điều tiết cấp nước						Phương án chống hạn	Ghi chú
				Gieo mạ	Gieo sạ	Cấy			% DT đến ngày	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3	Tháng 4			
I	CTTL Đắk Mol xã Đắk Hòa																	
1	Khu tưới Đắk Hòa																	
	Lúa	3,28	110-120	06/01 - 13/01	-	01/02- 08/02	-	08/05- 28/05	100	25/3			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 25/03		CTTL Đắk Sơn 3 xã Đắk Hòa sẽ bổ sung 1 phần nguồn nước về CTTL Đắk Mol	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,67	40-80	-	-	-	06/01 - 13/01	27/03-06/04	100	25/3			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 25/03			
	Cây CN dài ngày	49,08	-	-	-	-	-	-	100	25/3			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 25/03			
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-	-	-								
																		
2	Khu tưới Đắk Mol																	
	Lúa	57,09	110-120	06/01 - 13/01	-	01/02- 08/02	-	08/05- 28/05	100	25/3			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 25/03		CTTL Đắk Sơn 3 xã Đắk Hòa sẽ bổ sung 1 phần nguồn nước về CTTL Đắk Mol	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	10,13	40-80	-	-	-	06/01 - 13/01	27/03-06/04	100	25/3			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 25/03			
	Cây CN	177,85	-	-	-	-	-	-	100	25/3			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 25/03			
	Thủy sản	2,44	-	-	-	-	-	-	100	-								
																		
II CTTL Yoanh xã Đắk Mol																		
1	Khu tưới Đắk Mol																	
	Lúa	38,15	110-120	06/01 - 13/01	-	01/02- 08/02	-	08/05- 28/05	100	cuối vụ			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	Bơm bổ sung một phần nguồn nước từ cuối kênh chính CTTL đập dâng Y Oanh về	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	2,01	40-80	-	-	-	06/01 - 13/01	27/03-06/04	100	cuối vụ			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Cây CN dài ngày	126,31	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-	-	-								
																		
III CTTL Cư P rông xã Đắk Mol																		
1	Khu tưới Đắk Mol																	
	Lúa	9,28	110-120	06/01 - 13/01	-	01/02- 08/02	-	08/05- 28/05	100	02/03			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02			Bơm bổ sung một phần nguồn nước từ cuối kênh chính CTTL đập dâng Y Oanh về	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	1,03	40-80	-	-	-	06/01 - 13/01	27/03-06/04	100	02/03			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02				
	Cây CN dài ngày	29,79	-	-	-	-	-	-	100	02/03			06/01 - 31/01	01/02 - 28/02				
	Thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-								
																		
IV CTTL Đắk Toa, xã Thuận Hà																		
1	Khu tưới Thuận Hạnh																	
	Lúa	7,48	110-120	10/01 - 31/01	-	10/01 - 31/01	-	08/05- 28/05	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	Bơm bổ sung một phần nguồn nước từ cuối kênh chính CTTL đập dâng Y Oanh về	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	32,88	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	27/03-06/04	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Cây CN dài ngày	163,22	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Thủy sản	1,95	-	-	-	-	-	-	100	-								
																		
2	Khu tưới Thuận Hà																	
	Lúa	0	-	-	-	-	-	-	-	-								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	93,82	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	27/03-06/04	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Cây CN	239,96	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Thủy sản	4,18	-	-	-	-	-	-	100	-								
V Kênh Đắk Tiến tranh xã Thuận Hà																		
1	Khu tưới Thuận Hà																	
	Lúa	40,50	110-120	20/02 - 15/03	-	20/02 - 15/03	-	25/5 - 10/06	100	cuối vụ				01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	Bơm bổ sung một phần nguồn nước từ cuối kênh chính CTTL đập dâng Y Oanh về	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	141	40-80	-	-	-	20/02 - 15/03	20/05-30/05	100	cuối vụ				01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Cây CN dài ngày	197,30	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ				01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-	-	-								
																		
VI CTTL Thuận Thành xã Thuận Hạnh																		
1	Khu tưới thuận Hạnh																	
	Lúa	0	-	-	-	-	-	-	-	-								
	Rau, màu, cây ngắn ngày	19,08	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	27/03-06/04	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Cây CN dài ngày	279,33	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ			10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04		
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-	-	-								

320479
 CHÍNH
 H. ĐẮK
 Y. T. N.
 S. H. T. H.
 THU
 T. Đ.
 S. O. N.

VII	CTTL Thuận Tân xã Thuận Hạnh																	
1	Khu tưới thuận Hạnh																	
	Lúa	0			-					...	...			...	...	...	...	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	19,08	40-80	-	-		10/01 - 31/01	27/03-06/04	100	cuối vụ	...	...		01/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03 - 31/03	01/04-30/04	
	Cây CN dài ngày	279,33	-	-	-				100	cuối vụ	...	...		01/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03 - 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-						...	...		01/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03 - 31/03	01/04-30/04	
VIII	CTTL Đắc M'Ruông xã Thuận Hạnh																	
1	Khu tưới thuận Hạnh																	
	Lúa	18,38	110-120	25/12 - 25/01	-	25/12 - 25/01	-	30/04-15/05	100	15/03	...	...	25/12-30-12	01/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 15/03	...	bổ sung nguồn nước từ CTTL Thuận Thành về
	Rau, màu, cây ngắn ngày	35,86	40-80	-	-	-	25/12 - 25/01	25/04-06/05	100	15/03	...	...	25/12-30-12	10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 15/03		
	Cây CN dài ngày	555,71	-	-	-	-		-	100	15/03	...	...	25/12-30-12	10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 15/03		
	Thủy sản	3,99	-	-	-	-		-			...	...	25/12-30-12	10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 15/03		
IX	CTTL Sinh Muồng xã Thuận Hạnh																	
1	Khu tưới thuận Hạnh																	
	Lúa	0			-						...	...					...	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	39,96	40-80	-	-	-	25/12 - 25/01	25/04-06/05	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Cây CN dài ngày	833,39	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-	-		-			...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
X	CTTL Đắc Pông Bê xã Đắc N'Drung																	
1	Khu tưới Đắc N'Drung																	
	Lúa	5,16	110-120	05/01 - 15/01	-	05/01 - 25/01	-	01/05-15/05	100	cuối vụ	...	...		01/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-					...	...						
	Cây CN dài ngày	270,20	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-	-		-			...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
XI	CTTL Đắc Kuăl xã Đắc N'Drung																	
1	Khu tưới Đắc N'Drung																	
	Lúa	0			-						...	...			01/02 - 28/02			
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-					...	...						
	Cây CN dài ngày	212,55	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	1,25	-	-	-	-		-	100		...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
XII	CTTL Đắc Lép xã Năm N'Janf																	
1	Khu tưới Xã Đắc N'Drung																	
	Lúa	0			-						...	...					...	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-					...	...						
	Cây CN dài ngày	63,7	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...	25/12-30-12	10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-	-		-			...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
2	Khu tưới Năm 'Jang																	
	Lúa	1,1	110-120	10/01 - 25/01	-	20/01 - 30/01	-	30/05-10/06	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	145,9	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	30/04-15/05	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Cây CN	185,66	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-	-		-			...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
XIII	CTTL Năm N'Jang xã Năm N'Jang																	
1	Khu tưới xã Năm N'Jang																	
	Lúa	0			-						...	...						
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-					...	...						
	Cây CN dài ngày	196,74	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-	-		-			...	...		10/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
XIII	CTTL Đắc Nhai, xã Trường Xuân																	
1	Khu tưới xã Trường Xuân																	
	Lúa	5,4	110-120	05/01 - 25/01	-	05/01 - 30/01	-	08/05- 28/05	100	cuối vụ	...	...		05/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,95	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	30/04-15/05	100	cuối vụ	...	...		05/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Cây CN dài ngày	307,28	-	-	-	-		-	100	cuối vụ	...	...		05/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	
	Thủy sản	0	-	-	-	-		-			...	...		05/01 - 31/01	01/02 - 28/02	01/03- 31/03	01/04-30/04	

XIV	CTTL ĐắkCai, xã Trường Xuân																	
1	Khu tưới xã Trường Xuân																	
	Lúa				-	-	-											
	Rau, màu, cây ngắn ngày	6,53	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	30/04-15/05	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cây CN dài ngày	109,87	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-			...	...	...	...	...	...	...	...
XV	CTTL Thôn III, xã Trường Xuân																	
1	Khu tưới xã Trường Xuân																	
	Lúa				-	-	-											
	Rau, màu, cây ngắn ngày	9,10	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	30/04-15/05	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cây CN dài ngày	43,81	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-			...	...	...	...	...	...	...	...
XVI	CTTL Thôn II, xã Trường Xuân																	
1	Khu tưới xã Trường Xuân																	
	Lúa	6,97	110-120	05/01 - 25/01	-	05/01 - 30/01	-	08/05- 28/05	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Rau, màu, cây ngắn ngày	3,49	40-80	-	-	-	10/01 - 31/01	30/04-15/05	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Cây CN dài ngày	152,66	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-			...	...	...	...	...	...	...	...
XVII	CTTL Đắk M'DRuong, Thị Trấn Đức An																	
1	Khu tưới Thị Trấn Đức An																	
	Lúa	0			-	-	-											
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-	-											
	Cây CN dài ngày	33,65	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-			...	...	...	...	...	...	...	...
XVIII	CTTL Đắk M'DRuong, Thị Trấn Đức An																	
1	Khu tưới Thị Trấn Đức An																	
	Lúa	0			-	-	-											
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-	-											
	Cây CN dài ngày	33,65	-	-	-	-	-	-	100	28/02	...	...	...	...	...	...	...	...
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-			...	...	...	...	...	...	...	...
XIX	CTTL Đắk RLon, Thị Trấn Đức An																	
1	Khu tưới Thị Trấn Đức An																	
	Lúa	0			-	-	-											
	Rau, màu, cây ngắn ngày	0		-	-	-	-											
	Cây CN dài ngày	92,29	-	-	-	-	-	-	100	cuối vụ	...	...	...	...	...	...	...	...
	Thủy sản	0	-	-	-	-	-	-			...	...	...	...	...	...	...	...

Khu vực này không có nguồn nước
bổ sung